

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS-KDTM

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Lộc và bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tặng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2026/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2026/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S** (nay đổi thành: **Ngân hàng TMCP S1**).

Địa chỉ trụ sở: **Số B, đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Công M** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tuấn A**, Chức vụ: Giám Đốc – **Chi nhánh P** (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2026).

Ông Nguyễn Tuấn A ủy quyền lại cho: Ông **Trần Hoài T** – Chức vụ: Chuyên viên kiểm soát thủ tục (Văn bản ủy quyền ngày 07/8/2025)

Địa chỉ: **Số E, đường C, khu phố A D, đặc khu P, tỉnh An Giang** (có mặt).

- Bị đơn: **Công ty T1.**

Địa chỉ trụ sở: **Tổ H, khu phố A, D, đặc khu P, tỉnh An Giang.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn H** – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2025, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** (nay là **Ngân hàng TMCP S1**) (**S2**), do ông **Trần Hoài T** đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP S – **Chi nhánh P** (**S2**) (sau đây gọi là **Ngân hàng**) có cho **Công ty TNHH MTV T1** (sau đây gọi là **Công ty T1**) vay vốn theo hợp đồng tín dụng số: 202126229697 ngày 31/8/2021. Theo đó, **Công ty T1** đã nhận nợ vay với số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 01/9/2021, đại diện **Công ty T1** là ông **Lê Văn H** ký giấy nhận nợ lần số: LD2124400219 với số tiền 100.000.000 đồng.

Biện pháp bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay, **Công ty T1** đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford ranger, số máy P5AT2562332, số khung FF50JW801944, biển kiểm soát 68C-083.09 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016442 do **Công an tỉnh K** cấp ngày 22/01/2018 cho **Công ty T1** đứng tên sử dụng.

Mặc dù **Ngân hàng** đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên hệ với **Công ty T1** cùng tìm hướng giải quyết các khoản vay nhưng **Công ty T1** không hợp tác. **Ngân hàng** tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên đến nay **Công ty T1** đã thanh toán số tiền gốc là 55.041.764 đồng, số tiền còn lại 44.958.236 đồng vẫn chưa thanh toán cho **Ngân hàng** nên ngày 01/7/2024 khoản vay phát sinh quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng tín dụng.

Nay **Ngân hàng** yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc **Công ty T1** phải trả ngay cho **S2** với tổng số tiền tạm tính đến thời điểm ngày 05/8/2025 là 51.606.980 đồng (trong đó: Nợ gốc 44.958.236 đồng; lãi trong hạn 4.023.033 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt 2.625.711 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp **Công ty T1** không trả được nợ, yêu cầu phát mãi ngay tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford range, số máy P5AT2562332, số khung FF50JW801944, biển kiểm soát 68C-083.09 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016442 do **Công an tỉnh K** cấp ngày 22/01/2018 cho **Công ty T1** đứng tên sử dụng, để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

- **Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH MTV T1** do ông **Lê Văn H** đại diện: Mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng **Công ty** và người đại diện của **Công ty T1** không đến và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa:**

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Công ty T1 thanh toán khoản vay gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử là ngày 12/6/2026 với số tổng cộng 57.692.736 đồng (trong đó: Nợ gốc 44.958.236 đồng; lãi trong hạn 5.340.003 đồng; lãi quá hạn 7.394.497 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký kết đến khi trả xong nợ. Trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 4 Luật Kinh doanh thương mại; các Điều 282, 292, 298, 299, 300, 317, 327 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 7; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định hướng dẫn về, lãi suất, phạt vi phạm, đề nghị:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S - S2.

Buộc Công ty TNHH MTV T1 thanh toán tiền gốc và lãi quá hạn cho Ngân hàng S2 tạm tính đến ngày 12/6/2026 với số tổng cộng 57.692.736 đồng (trong đó: Nợ gốc 44.958.236 đồng; lãi trong hạn 5.340.003 đồng; lãi quá hạn 7.394.497 đồng).

- Buộc Công ty T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 13/6/2026 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Trường hợp Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng S2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của Công ty T1 đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số LD 1802300391 là: (Xe ô tô tải Pickup cabin kép nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 68C-083.09, số khung: FF50JW801944, số máy: P5AT2562332 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016442 ngày 22/01/2018 do Phòng C Công an tỉnh K cấp cho chủ sở hữu Công ty TNHH MTV T1 theo hợp đồng thế chấp tài sản số LD1802300391 đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH MTV T1 phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là **Ngân hàng S2** khởi kiện yêu cầu bị đơn là **Công ty T1** trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại **đặc khu P, tỉnh An Giang**. Căn cứ a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn ủy quyền cho ông **Trần Hoài T** tham gia tố tụng là phù hợp theo quy định tại Điều 85 BLTTDS nên HĐXX chấp nhận.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn **Công ty T1** vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 31/8/2021, **Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P** và **Công ty T1** ký kết Hợp đồng tín dụng số 202126229697. Theo hợp đồng, Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho **Công ty T1** để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 60 tháng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán nợ vay các bên đã ký kết hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford ranger biển kiểm soát 68C-083.09 đứng tên **Công ty T1**.

Quá trình thực hiện hợp đồng, **Công ty T1** đã thanh toán được số tiền gốc là 55.041.764 đồng, số tiền còn lại 44.958.236 đồng vẫn chưa thanh toán, đến ngày 01/7/2024 khoản vay phát sinh quá, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số 202126229697 ngày 31/8/2021 giữa Ngân hàng và bị đơn: Về hình thức được lập thành văn bản, có ký tên, đóng dấu và tuân thủ về mặt hình thức theo quy định tại Điều 119 BLDS năm 2015. Về nội dung: Hợp đồng được các bên thỏa thuận rõ số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức trả nợ, trách nhiệm vi phạm hợp đồng cụ thể, rõ ràng theo quy định pháp luật. Việc thỏa thuận của các bên về lãi suất cho vay trong hạn, quá hạn, lãi phạt vi

phạm là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7 và khoản 1, 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên hợp đồng phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình vay, bên vay **Công ty T1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng mà các bên đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, làm việc để yêu cầu **Công ty T1** thanh toán nhưng đến nay **Công ty T1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp số LD1802300391 ngày 23/01/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số LD1802300391-01 ngày 31/8/2021: Về hình thức được lập thành văn bản, có công chứng chứng thực theo quy định pháp luật. Nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp là của người thế chấp, các bên thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318 và 319 BLDS năm 2015 nên hợp đồng phát sinh hiệu lực. Do đó, trường hợp **Công ty T1** không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.290.000 đồng theo biên lai thu số 0005509 ngày 22/10/2025 Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

Công ty T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán là 57.692.736 đồng là 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 85, 147, 227, 266, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 4 Luật thương mại; Điều 117, 119, 292, 293, 298, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 422, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** (nay đổi thành: **Ngân hàng TMCP S1**) (**S2**) đối với bị đơn **Công ty T1** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Công ty T1 thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** (nay đổi thành: **Ngân hàng TMCP S1**) (**S2**) số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12/6/2026 là 57.692.736 đồng (*Năm mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng*) (trong đó: Nợ gốc 44.958.236 đồng; lãi trong hạn 5.340.003 đồng; lãi quá hạn 7.394.497 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/6/2026, **Công ty T1** còn phải trả lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho **Ngân hàng S** (nay đổi thành: **Ngân hàng TMCP S1**).

2. Trường hợp **Công ty T1** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì **Ngân hàng TMCP S** (nay đổi thành: **Ngân hàng TMCP S1**) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ, gồm: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford range, số máy P5AT2562332, số khung FF50JW801944, biển kiểm soát 68C-083.09 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016442 do **Công an tỉnh K** cấp ngày 22/01/2018 cho **Công ty T1** đứng tên sử dụng.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì **Công ty T1** vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần nợ còn thiếu cho **Ngân hàng S2** theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** (nay đổi thành: **Ngân hàng TMCP S1**) (**S2**) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.290.000 đồng (*Một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005509 ngày 22/10/2025 Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

- Buộc **Công ty T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2- An Giang;
- PTHADS khu vực 2- An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Bình